

Số: 267 /UBND-THNC

Đồng Nai, ngày 08 tháng 01 năm 2024

V/v hướng dẫn quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh

Kính gửi:

- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Cục thuế tỉnh.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 (*viết tắt là Luật*); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 (*viết tắt là Luật sửa đổi, bổ sung*); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*viết tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*); Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*viết tắt là Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*); Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (*viết tắt là Nghị định số 52/2015/NĐ-CP*), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, như sau:

A. QUY TRÌNH SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH :

I. QUY TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CÁC NỘI DUNG TẠI KHOẢN 1, 2, 3 ĐIỀU 27 LUẬT

Gồm Nghị quyết đề quy định:

- Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.*
- Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.*
- Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương.*

Bước 1: Lập đề nghị xây dựng nghị quyết (Điều 111, Điều 117 Luật, khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung)

- Căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết.

- Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết gồm:

+ Tờ trình về đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ căn cứ ban hành nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung chính của nghị quyết; thời gian dự kiến đề nghị Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết (Mẫu số 02 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

+ Tài liệu khác (nếu có).

Bước 2. Trình, thông qua đề nghị xây dựng nghị quyết, phân công soạn thảo nghị quyết (khoản 1 Điều 117, Điều 118 Luật; Điều 17, Điều 18 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP)

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được giao chủ trì xây dựng nghị quyết có trách nhiệm chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định trong thời hạn 03 ngày làm việc, đề nghị cơ quan lập đề nghị hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phải đề xuất đưa vào chương trình phiên họp gần nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thông qua đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh vào phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp chấp thuận, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có văn bản phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, thời hạn trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Bước 3. Tổ chức chủ trì soạn thảo nghị quyết (Điều 119 Luật, khoản 35 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung)

- Sau khi đề nghị xây dựng nghị quyết được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất (chấp thuận), Sở, Ban, ngành được phân công chủ trì soạn thảo tổ chức xây dựng dự thảo nghị quyết.

- Đối với nghị quyết quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này thì phải bảo đảm phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật đã giao quy định chi tiết. Riêng đối với nghị quyết có nội dung quy định tại khoản 2, 3 Điều 27 Luật thực hiện đánh giá tác động của chính sách theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Luật sửa đổi (bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 119 Luật) - Báo cáo đánh giá tác động chính

sách thực hiện theo mẫu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Về hình thức của nghị quyết: Áp dụng các mẫu tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (*mẫu số 16-Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định trực tiếp; mẫu số 17 - Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định/Quy chế...; mẫu số 36 - Nghị quyết của Hội đồng nhân dân sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế...).*)

Bước 4. Lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết (Điều 120 Luật)

- Cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải toàn văn dự thảo nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định, tập trung những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản (*thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản giấy, phiếu khảo sát, hội nghị, tổ chức họp...).*

* **Lưu ý:** Cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết lưu ý đối với thủ tục lấy ý kiến và việc tham gia góp ý, thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo nghị quyết tại Điều 6 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi).

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận và các cơ quan, tổ chức khác, cá nhân có quyền và được tạo điều kiện tham gia góp ý kiến về dự thảo nghị quyết.

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Phản biện xã hội được thực hiện trong thời gian cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến về dự thảo văn bản. Ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo nghị quyết phải được nghiên cứu, giải trình, tiếp thu trong quá trình chỉnh lý dự thảo văn bản trước khi gửi Sở Tư pháp thẩm định.

Bước 5. Thẩm định dự thảo nghị quyết (Điều 121 Luật, khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung)

Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình phải được Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sau khi lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến vào dự thảo nghị quyết, chậm nhất là 25 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân tỉnh họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Sở Tư pháp để thẩm định.

- Hồ sơ dự thảo nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định gồm:

+ Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết (mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

+ Dự thảo nghị quyết.

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật.

+ Tài liệu khác (nếu có).

(Đối với dự thảo nghị quyết đã được phản biện xã hội thì hồ sơ dự thảo gửi thẩm định bao gồm văn bản phản biện xã hội theo khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi).

* Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình Ủy ban nhân dân dự thảo nghị quyết.

Bước 6. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết (Điều 122, Điều 123 Luật, khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung)

- Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ủy ban nhân dân tỉnh để chuyển đến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày Ủy ban nhân dân tỉnh họp.

- Hồ sơ dự thảo nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

+ Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về dự thảo nghị quyết.

+ Dự thảo nghị quyết.

+ Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật.

+ Tài liệu khác (nếu có) *như: văn bản phản biện xã hội đối với dự thảo nghị quyết có thực hiện phản biện xã hội.*

- Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để quyết định việc trình dự thảo nghị quyết ra Hội đồng nhân dân tỉnh.

Bước 7. Gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện thẩm tra (Điều 124 Luật, khoản 38 Điều 1 Luật sửa đổi)

- Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải được Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp thẩm tra trước khi trình Hội đồng nhân dân.

- Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan trình dự thảo nghị quyết phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra để tiến hành thẩm tra

- Hồ sơ gửi thẩm tra bao gồm:

+ Tờ trình Hội đồng nhân dân về dự thảo nghị quyết.

+ Dự thảo nghị quyết.

+ Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân trình;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật.

+ Tài liệu khác (nếu có) *như: văn bản phản biện xã hội đối với dự thảo nghị quyết có thực hiện phản biện xã hội.*

Bước 8. Trình, thông qua dự thảo nghị quyết (do các Ban thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu thực hiện theo quy định tại Điều 125, 126 Luật).

II. QUY TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG TẠI KHOẢN 4 ĐIỀU 27 LUẬT

Nghị quyết để quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (khoản 4 Điều 27 Luật) trước khi trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng nghị quyết phải thực hiện quy trình quy định từ Điều 112 đến Điều 116 của Luật.

1. Thực hiện quy trình trước khi trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết

Bước 1. Xây dựng nội dung nghị quyết (nội dung quy định chính sách)

Cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết (cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết/ cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì soạn thảo nghị quyết) có trách nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại Điều 112 của Luật:

- Tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến đề nghị xây dựng nghị quyết; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự thảo nghị quyết.

Trong trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung của dự thảo.

- Tổ chức nghiên cứu thông tin, tư liệu, điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến dự thảo nghị quyết.

- Xây dựng nội dung của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết và thực hiện đánh giá tác động của chính sách.

Xây dựng nội dung chính sách theo mẫu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (đối với cơ quan trình nghị quyết là Ủy ban nhân dân tỉnh thì cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách). Tác động của chính sách được đánh giá theo các nội dung quy

định tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể:

+ Tác động về kinh tế được đánh giá trên cơ sở phân tích chi phí và lợi ích đối với một hoặc một số nội dung về sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư và kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, cơ cấu phát triển kinh tế của quốc gia hoặc địa phương, chi tiêu công, đầu tư công và các vấn đề khác có liên quan đến kinh tế.

+ Tác động về xã hội được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội, chính sách dân tộc (nếu có) và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

+ Tác động về giới (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo các tác động kinh tế, xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới.”.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Bước 2. Tổ chức lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết và lập hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết (Điều 113, 114 Luật, khoản 53 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung và Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP)

- Cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết:

+ Đăng tải toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

+ Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết. Khi lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 10 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý.

+ Lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan, cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

+ Việc lấy ý kiến có thể bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

+ Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đến Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến;

+ Trong trường hợp cần thiết cơ quan xây dựng đề nghị xây dựng nghị quyết tổ chức đối thoại trực tiếp về chính sách với các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Nghị quyết.

+ Nghiên cứu ý kiến góp ý để hoàn thiện đề nghị xây dựng nghị quyết. Báo cáo giải trình, tiếp thu phải được đăng tải cùng với các tài liệu khác trong hồ sơ xây dựng nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Cổng thông tin hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo.

- Xây dựng dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi tổ chức đánh giá tác động của chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết. Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết bao gồm:

+ Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết (Mẫu số 02 – Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP);

+ Báo cáo đánh giá tác động chính sách (Mẫu số 01 – Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

+ Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý;

+ Dự kiến Đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết (Mẫu số 07 - Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

+ Tài liệu khác (nếu có).

* **Lưu ý:** cần xây dựng dự thảo Quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết.

Bước 3. Thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết (Điều 115 Luật)

- Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Sở Tư pháp để tổ chức thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình.

- Hồ sơ gửi đề nghị thẩm định là hồ sơ cơ quan chủ trì soạn thảo đã xây dựng tại Bước 2 mục này.

- Thời hạn thẩm định: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

- Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý đề nghị xây dựng nghị quyết và đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo đề nghị xây dựng nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Bước 4. Thông qua đề nghị xây dựng Nghị quyết (*Điều 116 Luật, khoản 33 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*)

- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để thông qua các chính sách trong từng đề nghị xây dựng nghị quyết

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ

- Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm:

+ Hồ sơ cơ quan chủ trì soạn thảo đã xây dựng tại Bước 2 mục này (các dự thảo đã được tiếp thu và giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp)

+ Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

Bước 5. Trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng nghị quyết (*khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*)

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp cơ quan chủ trì soạn thảo kiểm tra, rà soát hồ sơ để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi đầy đủ hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

- Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gồm:

+ Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết;

+ Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết;

+ Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý;

+ Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Sở Tư pháp; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

+ Quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền.

+ Dự kiến Đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết.

+ Tài liệu khác (nếu có).

2. Thực hiện quy trình sau khi có ý kiến chấp thuận (thống nhất) của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với đề nghị xây dựng nghị quyết

Sau khi được Thường trực hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết và phân công soạn thảo thì cơ quan, tổ chức được phân công chủ trì soạn thảo nghị quyết phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình từ Điều 119 đến Điều 126 Luật theo hướng dẫn **từ Bước 3 đến Bước 8 Mục I Phần A Văn bản này.**

B. QUY TRÌNH SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Cơ quan có thẩm quyền đề nghị xây dựng Quyết định căn cứ Điều 28 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 để xác định nội dung tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định, cụ thể:

(1) Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

(2) Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương;

(3) Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương.

Bước 1. Lập đề nghị xây dựng quyết định (Điều 127 Luật)

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng quyết định

Khi lập đề nghị xây dựng quyết định yêu cầu: phải nêu rõ tên gọi, sự cần thiết ban hành, đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung chính của quyết định, dự kiến thời gian ban hành, cơ quan chủ trì soạn thảo (*có thể tham khảo Mẫu số 02 phục lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*)

Đối với quyết định quy định những vấn đề được giao quy định chi tiết, cơ quan đề xuất phải rà soát văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước trung ương và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp để xác định rõ nội dung, phạm vi giao quy định cụ thể.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp xem xét kiểm tra việc đề nghị ban hành quyết định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Việc chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với đề nghị xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh được thể hiện bằng văn bản hành chính thông thường theo hình thức như: Quyết định, Công văn, Thông báo...

Bước 2. Soạn thảo quyết định (Điều 128 Luật, khoản 39 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung)

- Các Sở, ban, ngành được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công chủ trì soạn thảo Quyết định khi soạn thảo cần bám sát các quy định của Luật (Luật sửa đổi, bổ sung) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), cụ thể có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội ở địa phương; nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp và tài liệu có liên quan đến dự thảo quyết định;

+ Xây dựng dự thảo và tờ trình dự thảo quyết định;

+ Đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao quy định thủ tục hành chính; đánh giá tác động về giới (nếu có);

- Về hình thức xây dựng quyết định: thực hiện theo Mẫu số 18, 19 và 37 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

Bước 3. Lấy ý kiến đối với dự thảo quyết định (Điều 129 Luật)

Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định tại Điều 120 Luật, cụ thể gồm các nội dung công việc như sau:

- Cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Cổng thông tin điện tử tỉnh) đăng tải toàn văn dự thảo Quyết định trên cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Quyết định thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản.

- Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản.

- Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu ý kiến, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo quyết định.

Bước 4: Thẩm định dự thảo quyết định (Điều 130 Luật, khoản 40 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung)

- Chậm nhất là 25 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân tỉnh họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Sở Tư pháp để thẩm định.

Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm định dự thảo quyết định.

Riêng đối với nội dung dự thảo Quyết định liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo thì Giám đốc Sở Tư pháp thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định, bao gồm đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học.

- Hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định

Sau khi kết thúc thời gian lấy ý kiến góp ý (có kết quả đăng tải hồ sơ trên cổng thông tin điện tử tỉnh, đơn vị gửi hồ sơ đến Sở Tư pháp để thực hiện thẩm định. Hồ sơ thẩm định bao gồm:

+ Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Quyết định (*Mẫu số 03 – Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*);

+ Dự thảo Quyết định;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý;

+ Tài liệu khác (nếu có).

- Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo quyết định, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp cùng thời điểm trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định, làm cơ sở giúp Sở Tư pháp tham gia ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bước 5. Thông qua dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày Ủy ban nhân dân tỉnh họp để chuyển đến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hồ sơ dự thảo Quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

+ Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Quyết định (*mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*);

+ Dự thảo Quyết định;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý;

+ Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

+ Tài liệu khác (nếu có).

- Trình tự xem xét, thông qua dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Điều 132 Luật.

C. QUY TRÌNH SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THEO TRÌNH TỰ THỦ TỤC RÚT GỌN

Các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại Điều 146 Luật, khoản 44 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung, cụ thể:

- Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

- Trường hợp cần ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; trường hợp cần ban hành ngay văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Trường hợp cần bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

- Trường hợp cần kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật trong một thời hạn nhất định để giải quyết những vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn.

Bước 1. Lập đề nghị xây dựng nghị quyết, quyết định (Điều 147 Luật)

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (*Mẫu số 02 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*).

Bước 2. Soạn thảo nghị quyết, quyết định (Điều 119, Điều 128 Luật, khoản 35, khoản 39 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung)

Sau khi đề nghị xây dựng nghị quyết được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất (chấp thuận), Sở, ban, ngành được phân công chủ trì soạn thảo tổ chức xây dựng dự thảo nghị quyết, Quyết định.

Bước 3. Lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết, dự thảo quyết định (Điều 129 Luật)

Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo văn bản.

Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì thời hạn lấy ý kiến không quá 20 ngày.

Bước 4: Thẩm định dự thảo nghị quyết, dự thảo quyết định (Điều 121, Điều 130 Luật, khoản 36, khoản 40 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung)

- Cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết, dự thảo quyết định đến Sở Tư pháp để thẩm định.

- Hồ sơ gửi thẩm định gồm tờ trình, dự thảo văn bản, bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp lấy ý kiến.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản.

Bước 5. Gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện thẩm tra

- Cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra để tiến hành thẩm tra

- Hồ sơ gửi thẩm tra gồm:

+ Tờ trình;

+ Dự thảo Nghị quyết;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp lấy ý kiến;

+ Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

Bước 6.1. Trình, thông qua dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét thông qua

- Hồ sơ dự thảo Quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

+ Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Quyết định (*mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*);

+ Dự thảo Quyết định;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp lấy ý kiến;

+ Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

+ Tài liệu khác (nếu có).

Bước 6.2. Trình, thông qua dự thảo nghị quyết (*do các Ban thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu thực hiện theo quy định tại Điều 125, 126 Luật*).

D. Đăng Cổng thông tin điện tử tỉnh, đưa tin, cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (*Điều 150 Luật, Điều 13, 16, 17 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP*)

I. Đăng Cổng thông tin điện tử tỉnh, đưa tin

1. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phải được đăng Cổng thông tin điện tử tỉnh.

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp Văn phòng đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng

nhân dân tỉnh nhận Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để đăng Công thông tin điện tử tỉnh hoặc niêm yết công khai.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm đăng toàn văn văn bản quy phạm pháp luật trên Công Thông tin điện tử tỉnh chậm nhất là 07 ngày đối với văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kể từ ngày nhận được văn bản. Đồng thời, chuyển cơ quan báo, đài của tỉnh để đưa tin.

II. Cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc cập nhật văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đến Sở Tư pháp để thực hiện cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Riêng Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, Sở Tư pháp có trách nhiệm cập nhật văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đối với văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kể từ ngày nhận được văn bản. Trường hợp Văn bản quy định các biện pháp thi hành trong tình trạng khẩn cấp, văn bản được ban hành để kịp thời đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, dịch bệnh theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Văn bản có hiệu lực kể từ ngày công bố hoặc ngày ký ban hành, Sở Tư pháp thực hiện cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản.

Để đảm bảo công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- Q. Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, các phòng, THNC.



Võ Tấn Đức